

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

THS NGUYỄN THỊ HẢI VÂN*

Nguồn nhân lực lao động là một bộ phận dân số trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật, có khả năng lao động, đang có việc làm. Theo quy định của *Bộ luật Lao động*, độ tuổi lao động ở nước ta bao gồm những người từ 15-60 tuổi đối với nam và từ 15-55 tuổi đối với nữ. Cơ sở để tái sản xuất nguồn lao động chính là dân số. Việt Nam là một quốc gia có quy mô dân số khá cao (xếp thứ 14 trên thế giới). Cơ cấu dân số Việt Nam hiện vẫn thuộc “thấp dân số trẻ”, đang có chuyển biến sang mô hình “dân số thay thế”. Các nhà dân số học dự báo, giai đoạn năm 1990-2010 là “thấp dân số xanh”, giai đoạn 2010-2050 là “thấp dân số vàng” và giai đoạn sau 2050 là “thấp dân số già” (*xem bảng 1 ở cuối bài*).

Quy mô dân số đông, tốc độ lại tăng liên tục, hơn nữa, hiện nay nền kinh tế nước ta vẫn trong tình trạng chậm phát triển, mức thu nhập bình quân đầu người so với các nước còn thấp (năm 2006 mới đạt khoảng 700 USD/năm, đứng thứ 130/175 nước trên thế giới). Vì vậy, vấn đề sử dụng lao động, tạo việc làm luôn là một yếu tố quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia trong nước và ngoài nước, chất lượng nguồn nhân lực ở nước ta còn rất hạn chế. Số lao động đã qua đào tạo mới chỉ chiếm khoảng 22%. Cơ cấu trình độ còn nhiều bất cập, còn có tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”. Xu thế tăng vẫn tập trung chủ yếu ở bậc đại học và cao đẳng, tốc độ tăng ở bậc THCS và dạy nghề còn tương đối thấp và chưa thật sự tương xứng với nhu cầu nhân lực của nền kinh tế (*xem bảng 2 ở cuối bài*).

Ở khu vực nông thôn, tỉ lệ thời gian lao động được sử dụng đã tăng từ 70,82% năm 1998 lên 73,28% năm 1999 và 76% năm 2005 (mục tiêu 2010 là 85%), quỹ thời gian lao động trong ngày đã được tận dụng có hiệu quả hơn, mỗi ngày làm việc thực tế 7-8 giờ, ngày mùa vụ đã làm đến 12-14 giờ. Hệ số vòng quay sử dụng đất đã lên 2,5 lần, có nơi lên tới 3 lần. Chính vì thế mà năng suất lao động và thu nhập của nông dân đã tăng, từng bước cải thiện đời sống của họ. Tuy nhiên, việc chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn vẫn diễn ra quá chậm. Nhiều vùng nông thôn vẫn còn tình trạng lao động làm nông nghiệp là chủ yếu, ngành nghề khác hầu như không phát triển. Một số khu công nghiệp có sức thu hút lao động lớn nhưng lại rất khó tiếp cận đối với nông dân do phần lớn nông dân chưa được đào tạo tay nghề.

Mục tiêu đặt ra trong chiến lược việc làm thời kì 2001-2010 là chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế. Đến năm 2010, phần đầu lao động trong nông nghiệp đạt 50%; công nghiệp, xây dựng 23%; dịch vụ 27%, đảm bảo việc làm cho phần lớn lao động có nhu cầu làm việc, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho nhân dân và riêng đối với khu vực nông thôn cần giảm nhanh tỉ trọng lao động nông nghiệp bằng việc tạo ra và phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp có sức thu hút lao động cao, phổ cập nghề cho lao động nông thôn, giúp họ có khả năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động hiện đại,

* Học viện Hành chính Quốc gia.

tăng cơ hội và khả năng lựa chọn việc làm trong tương lai. Để thực hiện tốt những mục tiêu đó, cần phải có những giải pháp hữu hiệu, cụ thể:

Một là, cải cách hệ thống giáo dục - đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Chất lượng nguồn nhân lực giữ vai trò cơ bản trong việc quyết định sự tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững ở các quốc gia. Ở nước ta hiện nay về cơ bản, chất lượng nguồn nhân lực còn trong tình trạng tương đối thấp, đang là mối lo ngại lớn trong toàn xã hội. Có rất nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến vấn đề này, song nguyên nhân chính là sự yếu kém, lạc hậu của hệ thống giáo dục đào tạo. Vì vậy, phát triển giáo dục - đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện nay phải được coi là quốc sách hàng đầu trong chiến lược phát triển con người. Trong lĩnh vực này, cần chú ý từ nội dung đến hình thức dạy và học ở tất cả các cấp, phát huy tính chủ động sáng tạo tích cực của người học, lấy người học làm trung tâm, đồng thời chú trọng giáo dục ở các bậc học phổ thông, tăng giáo dục hướng nghiệp. Mở rộng hệ thống, quy mô các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, chú trọng đào tạo các ngành công nghệ có nhu cầu lao động lớn như công nghệ thông tin, điện cơ, bưu chính - viễn thông, dầu khí... Thực hiện có hiệu quả chương trình việc làm quốc gia thông qua các hoạt động như đào tạo nghề cho nông dân, phát triển nông thôn, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, tăng đầu tư kết cấu hạ tầng và dịch vụ xã hội. Bên cạnh đó, cần phải có các trường dạy nghề ở các tỉnh, các vùng nông thôn, chú trọng vào những nghề cần nhiều lao động. Các cơ sở dạy nghề phải được đăng kí chính thức, các loại văn bằng, chứng chỉ do các cơ sở này cấp phải được các cơ quan QLNN công nhận. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kĩ thuật, hiện đại hoá trang thiết bị, phương tiện giảng dạy trong các trường và trung tâm đào tạo. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ giảng dạy.

Ở bậc học đại học và cao đẳng, việc mở

rộng quy mô để đạt mục tiêu 200 sinh viên/10.000 người dân, lao động đã qua đào tạo chiếm 40% tổng lao động xã hội vào năm 2010 đã được xác định trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của nước ta. Tuy nhiên, so với các nước phát triển thì tỉ lệ trên vẫn thấp. Chẳng hạn, ở Mỹ 556 sinh viên/10.000 dân, Ca-na-đa 508,4 sinh viên/10.000 dân (xem bảng 3 ở cuối bài).

Muốn đạt được những mục tiêu này, cần phải có các biện pháp tăng cường đào tạo các ngành, nghề mà thị trường hiện nay của ta đang thiếu. Gắn đào tạo với nghiên cứu thực tiễn sẽ giúp cho người học thích ứng nhanh và hiệu quả với công việc. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài. Phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tạo điều kiện cho mọi thành viên trong xã hội có cơ hội được đào tạo và đào tạo lại.

Hai là, thực hiện các chính sách kế hoạch hoá gia đình và dân số.

Năm 2006 quy mô dân số nước ta là 84,11 triệu người tăng 1,21% so với năm 2005 (năm 2005 tăng 1,31% so với cùng kì năm trước). Dân số nam là 41,33 triệu người, nữ là 42,78 triệu người. Dân số thành thị là 22,82 triệu người, chiếm 27,1%; dân số nông thôn là 61,29 triệu người, chiếm 72,9%.

Để thực hiện mục tiêu đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng là đạt mức tăng dân số 1,14% vào năm 2010, cần thực hiện hệ thống các giải pháp và sự nỗ lực của các cấp, các ngành; trong đó, chú trọng nâng cao chất lượng dân số và phân bố dân cư hợp lý giữa các vùng, xây dựng các quy hoạch và chính sách thích hợp, đáp ứng xu thế chuyển dịch cơ cấu dân số ở nước ta, hoàn thiện hệ thống chính sách, chế độ đảm bảo đủ kinh phí và cơ sở vật chất cho các hoạt động của công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình. Cần tập trung nguồn lực để giảm tốc độ gia tăng dân số tại các vùng đông dân, trình độ dân trí thấp; đưa công tác dân số, gia đình và trẻ em ở các cấp đi vào nền nếp, vào từng gia đình,

có chiều sâu và mang tính bền vững.

Xây dựng mạng lưới y tế, nhất là y tế cơ sở để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người dân, tăng cường công tác truyền thông về dinh dưỡng. Đây là một trong những giải pháp quan trọng để giải quyết vấn đề chất lượng nguồn nhân lực trong những năm tới. Đến năm 2010, phần đầu đạt tỉ lệ 7 bác sĩ/10.000 dân; tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 20%; tuổi thọ bình quân của dân số nước ta đạt 72 tuổi.

Ba là, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế là tiền đề để phát triển cấu về lao động.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 đặt ra những mục tiêu rất cụ thể về chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Từ nay đến năm 2010, tỉ trọng GDP khu vực nông - lâm - ngư nghiệp trong tổng GDP cả nước tiếp tục giảm với tốc độ nhanh hơn thời kì 1996-2000, từ 24,1% năm 2000 xuống còn 16-17% năm 2010. Năm 2005, tỉ trọng lao động đang làm việc trong khu vực nông, lâm, thủy sản giảm từ 57,2% xuống 55,7% năm 2006. Tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp, xây dựng tăng từ 18,3% lên 19,1%, dịch vụ từ 24,5% lên 25,2%, mục tiêu đến năm 2010 sẽ tăng lên 27%. Tỉ lệ thất nghiệp của khu vực thành thị giảm, còn 4,4%; trong đó, nam chiếm 4,8% và nữ 3,9%. Số lao động từ 15 tuổi trở lên là 43,44 triệu người tăng 2,1% so với năm 2005.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH cần phải gắn giữa tăng trưởng, hiệu quả kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, nghĩa là phải phát triển việc làm và cân bằng thị trường lao động. Hiện nay, mô hình phát triển kinh tế ở nước ta vẫn chưa tạo được sự cân bằng giữa hai mục tiêu là phát triển kinh tế và tạo việc làm. Song để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trong dài hạn, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong những năm tới vẫn là nhiệm vụ quan trọng. Trước mắt, chúng ta cần quan tâm đến những ngành có lợi thế so sánh, sử dụng nhiều lao

động như khai thác khoáng sản, nông, lâm, thủy sản, đến những ngành hàng sản phẩm sử dụng vốn ít, sử dụng nhiều lao động như cơ khí tiêu dùng, hàng tiêu thủ công, mỹ nghệ truyền thống. Đặc biệt quan tâm phát triển các loại hình dịch vụ du lịch, đây là một ngành mũi nhọn vừa mang lại lợi ích kinh tế lớn, đồng thời thu hút được nhiều lao động.

Bốn là, phát triển kinh tế nhiều thành phần, đặc biệt là tạo các điều kiện thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Trong những năm tới, cần thúc đẩy tăng cấu lao động bằng cách đổi mới, xếp sắp lại các doanh nghiệp nhà nước thông qua các biện pháp cổ phần hoá, giao bán, khoán, cho thuê, phá sản. Qua cải cách, thu hút những nguồn lực mới (vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý v.v.) vào khu vực doanh nghiệp nhà nước, tạo nên sức phát triển mới cho khối doanh nghiệp này, đồng thời, tăng nhu cầu về lao động. Trong tương lai, doanh nghiệp nhà nước sẽ chỉ tập trung vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế. Cùng với việc cải cách doanh nghiệp nhà nước, tiếp tục thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư trong nước, tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài để tạo cơ hội cho người lao động có việc làm thường xuyên.

Khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp vừa và nhỏ bỏ vốn đầu tư kinh doanh ở những ngành nghề, địa điểm mà pháp luật không cấm. Hỗ trợ hoạt động của khu vực kinh tế phi chính thức trong việc giải quyết việc làm hợp pháp cho người lao động, cải thiện việc bảo trợ xã hội để hạn chế tác động tiêu cực đến những người lao động hoạt động trong khu vực kinh tế này.

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp của tư nhân phát triển, không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực. Thực hiện đúng và đủ các nội dung cơ bản của *Luật Doanh nghiệp* sẽ là những bước đi

thiết thực nhất thúc đẩy phát triển nhanh, mạnh khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Năm là, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Phải thực sự coi xuất khẩu lao động là một định hướng chiến lược trong giải quyết việc làm và một kênh đào tạo nghề cho người lao động, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Để làm tốt công tác này, cần tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về xuất khẩu lao động, bổ sung những cơ chế,

chính sách cho phù hợp với sự vận động của cơ chế thị trường, quản lý và chỉ đạo hoạt động của các doanh nghiệp chuyên về xuất khẩu lao động.

Nâng cấp, chuẩn hoá các cơ sở đào tạo định hướng và bồi dưỡng nghề nghiệp cho lao động xuất khẩu, xây dựng các tiêu chuẩn đào tạo nghề nghiệp và tiêu chuẩn tuyển dụng lao động có tính đến các yêu cầu hội nhập quốc tế. Đồng thời, tăng cường thông tin thị trường lao động của các nước nhận lao động để mở rộng ngành nghề xuất khẩu và chủ động trong đào tạo lao động với cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ có khả năng cung ứng kịp thời và đầy đủ cho các thị trường khác nhau.

Bảng 1: Cơ cấu dân số Việt Nam theo độ tuổi

Chỉ tiêu	Đơn vị	1996	2000	2005	Dự báo 2010
* Tổng dân số	Triệu người	70	77,7	83,2	87,4
* Cơ cấu					
Dưới 15 tuổi	%	42,5	33,47	26,4	24,94
Từ 15-59 tuổi	%	50,5	58,43	59,7	67,16
Từ 60 tuổi trở lên	%	7,0	8,10	13,9	7,90

Bảng 2: Dự báo cơ cấu lao động kỹ thuật

Trình độ	1996	2005	2010
Sơ cấp	636.246		
Công nhân kỹ thuật có bằng	809.831	2.428.691	4.561.018
Công nhân kỹ thuật không có bằng	761.425	5.761.425	10.761.000
Trung học chuyên nghiệp	1.378.282	2.500.920	4.285.230
Cao đẳng/đại học	816.098	1.516.098	2.215.098
Tỉ trọng ĐH/THCN/CNKT	1/1,5/2,5	1/1,7/5,5	1/1,9/6,8
Tỉ lệ lao động có trình độ đại học	18,5%	12,42%	10,15%

Bảng 3: Dự kiến nhịp độ tăng trưởng và cơ cấu các bậc đào tạo nghề nghiệp đến năm 2010

Loại hình đào tạo	Nhịp độ tăng bình quân năm (%)		Cơ cấu (%)	
	2006-2010	2001-2010	2005	2010
Tổng số	7,6	9,4	100	100
Học nghề	9,0	11,7	59	62,4
Trung học chuyên nghiệp	3,3	7,9	7	5,9
Đại học, cao đẳng	6,1	6,2	34	31,7

Tài liệu tham khảo.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, H. 2006.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo 2001- 2010.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chiến lược đào tạo nghề 2001- 2010.
4. Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Thời báo Kinh tế Việt Nam 2006
5. www.mpi.gov.vn.
6. www.gso.gov.vha.